

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	61	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	61	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	61/61	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12.000m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.600m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	4.399m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	237m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	150m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	392m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	116m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	20	01
1.2	Khối lớp 11	21	01
1.3	Khối lớp 12	20	01
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	75	01
2	Cát xét	15	01/04 lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	07	
5	Thiết bị khác...	13	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	75	01
2	Cát xét	15	01/04 lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	07	
5	Laptop	13	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	500m2
XI	Nhà ăn	35m2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	12 phòng	700	2.5 m2
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Biểu mẫu 12

SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TÂY THẠNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	159													
I	Giáo viên	131													
	Trong đó số giáo viên dạy môn:								131				128		
1	Toán	19							19						
2	Lý	14							14						
3	Hóa	12							12						
4	Văn	19							19						
5	Anh	18							18						
6	Giáo dục thể chất	9							9						
7	GDQP&AN	4							4						
8	Lịch sử	6							6						
9	Địa lý	6							6						
10	Giáo dục công dân	4							4						
11	Sinh học	7							7						
12	Công nghệ	5							5						
13	Tin học	8							8						
II	Cán bộ quản lý	4													
1	Hiệu trưởng	1			1				1				1		
2	Phó hiệu trưởng	3		2	1				2	1		2	1		
III	Nhân viên	24													
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên học vụ	2			1	1									
7	Nhân viên bảo vệ	5						5							

8	Nhân viên phục vụ	8						8							
9	Giám thị	4				1	1	2							

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Đạt